

DANH SÁCH DỰ KIẾN TRUNG TUYỂN TẠI KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ NĂM 2023

CHỨC DANH: GIÁO VIÊN CẤP CẤP THCS

(Kèm theo Thông báo số 06/TB-HĐND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng tuyển dụng viên chức thành phố)



TT	SBD	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Nam (nữ)	Dân tộc	Trình độ, ngành, chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên	Tổng điểm thực hành	Điểm ưu tiên	Kết quả thi vòng 2	Ghi chú
						Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Nghiệp vụ sư phạm	Ngày tháng năm cấp							
1	716	Chú Thị Liên	22/8/1997	Nữ	Cờ lao	Đại học	Sư phạm Địa lý			Giáo viên Địa lý	THCS Cam Giá	Người dân tộc thiểu số	83	5	88	
2	564	Triệu Thị Minh Nguyệt	21/7/1997	Nữ	Dao	Đại học	Sư phạm Toán học			Giáo viên Toán	THCS Cam Giá	Người dân tộc thiểu số	93,5	5	98,5	
3	673	Nguyễn Khắc Nam	09/9/1996	Nam	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý			Giáo viên Vật lý	THCS Cam Giá		86,5		86,5	
4	583	Từ Kiều Trinh	20/6/1998	Nữ	Sán diu	Thạc sỹ	Lý luận và phương pháp dạy bộ môn Toán học	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán	THCS Cao Ngạn	Người dân tộc thiểu số	93,5	5	98,5	
5	628	Trương Thị Nhài	25/01/1990	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm Ngữ văn			Giáo viên Ngữ văn	THCS Cao Ngạn	Người dân tộc thiểu số	97,5	5	102,5	
6	726	Hoàng Thị Thúy Lan	06/02/1984	Nữ	Kinh	Đại học	Công nghệ thông tin	x	27/02/2014	Giáo viên Tin học	THCS Cao Ngạn		93,5		93,5	
7	616	Nông Thị Thu Huyền	11/01/1995	Nữ	Nùng	Thạc sỹ	Ngôn ngữ Việt Nam	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	THCS Chu Văn An	Người dân tộc thiểu số	98	5	103	
8	632	Phạm Thị Thúy Quỳnh	14/4/1995	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Ngôn ngữ Việt Nam	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	THCS Chu Văn An		100		100	
9	721	Phạm Tuấn Anh	26/6/1986	Nam	Kinh	Đại học	Công nghệ thông tin	x	29/12/2006	Giáo viên Tin học	THCS Chùa Hang I		90		90	
10	735	Đặng Khánh Hà	30/6/1993	Nam	Kinh	Đại học	Huấn luyện thể thao	x	22/01/2014	Giáo viên thể dục	THCS Độc Lập		96		96	
11	656	Hà Lan Anh	05/11/1995	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật Lý	Đại học Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	THCS Đồng Bầm		86		86	
12	633	Phan Hương Quỳnh	06/10/2000	Nữ	Nùng	Đại học	Sư phạm Ngữ văn			Giáo viên Ngữ văn	THCS Hương Sơn	Người dân tộc thiểu số	88	5	93	
13	688	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	11/02/1996	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học			Giáo viên Hóa học	THCS Hương Sơn		92		92	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Nam (nữ)	Dân tộc	Trình độ, ngành, chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên	Tổng điểm thực hành	Điểm ưu tiên	Kết quả thi vòng 2	Ghi chú
						Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Nghiệp vụ sư phạm	Ngày tháng năm cấp							
14	703	Nguyễn Thị Thu Hồng	19/9/1992	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm Sinh học			Giáo viên Sinh học	THCS Hương Sơn	Người dân tộc thiểu số	82	5	87	
15	627	Đỗ Thị Bích Ngọc	08/9/1998	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn			Giáo viên Ngữ văn	THCS Huống Thượng		92		92	
16	575	Phùng Thị Thùy	23/7/1991	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học			Giáo viên Toán	THCS Linh Sơn		92		92	
17	728	Vũ Quốc Thịnh	24/9/1984	Nam	Kinh	Thạc sỹ	Công nghệ thông tin	X	30/5/2007	Giáo viên Tin học	THCS Nguyễn Du		94		94	
18	727	Nguyễn Tuyết Minh	26/10/1980	Nữ	Kinh	Đại học	Tin học	x	20/9/2006	Giáo viên Tin học	THCS Nha Trang		96		96	
19	643	Đào Thị Minh Thư	22/10/1995	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn			Giáo viên Ngữ văn	THCS Phúc Triu		95		95	
20	572	Lý Thị Thảo	12/9/1995	Nữ	Dao	Đại học	Sư phạm Toán học			Giáo viên Toán	THCS Phúc Triu	Người dân tộc thiểu số	95	5	100	
21	605	Mạc Thị Hòa	06/3/1994	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm Văn-Địa			Giáo viên Văn - Địa	THCS Phúc Triu	Người dân tộc thiểu số	75	5	80	
22	730	Trần Xuân Tùng	29/10/1984	Nam	Kinh	Đại học	Công nghệ thông tin	x	19/10/2006	Giáo viên Tin học	THCS Quyết Thắng		95		95	
23	745	Nguyễn Thị Tâm	07/9/1997	Nữ	Kinh	Đại học	Giáo dục chính trị			Giáo viên GDCD	THCS Sơn Cẩm 1		79,5		79,5	
24	640	Ngô Phương Thảo	08/8/1996	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Văn học Việt Nam	Đại học sư phạm ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	THCS Sơn Cẩm 1		95		95	
25	713	Trương Thị Hà Giang	20/6/1996	Nữ	Sán diu	Đại học	Sư phạm Địa lý			Giáo viên Địa lý	THCS Sơn Cẩm 2	Người dân tộc thiểu số	94	5	99	
26	686	Hoàng Thị Linh	17/12/1994	Nữ	Nùng	Thạc sỹ	Hóa Vô cơ	Đại học sư phạm Hóa học		Giáo viên Hóa học	THCS Sơn Cẩm 2	Người dân tộc thiểu số	83	5	88	
27	602	Lê Mai Hoa Hiên	04/7/1996	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn	Đại học sư phạm ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	THCS Sơn Cẩm 2		98		98	
28	733	Hoàng Văn Điệp	25/6/1987	Nam	Sán diu	Đại học	Sư phạm thể dục thể thao			Giáo viên Thể dục	THCS Sơn Cẩm 2	Người dân tộc thiểu số	96	5	101	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Nam (nữ)	Dân tộc	Trình độ, ngành, chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên	Tổng điểm thực hành	Điểm ưu tiên	Kết quả thi vòng 2	Ghi chú
						Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Nghiệp vụ sư phạm	Ngày tháng năm cấp							
29	746	Đương Thị Thanh	11/8/1995	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Giáo dục Công dân			Giáo viên GD CD	THCS Tân Lập		93		93	
30	614	Hoàng Thị Minh Hữu	02/9/1988	Nữ	Nùng	Đại học	Sư phạm Văn - Địa			Giáo viên Văn - Địa	THCS Thịnh Đức	Người dân tộc thiểu số	92	5	97	
31	725	Nguyễn Thị Khuyên	21/10/1982	Nữ	Tày	Đại học	Toán tin ứng dụng	x	22/6/2011	Giáo viên Tin học	THCS Tích Lương	Người dân tộc thiểu số	90	5	95	
32	748	Dương Văn Hiến	29/9/1984	Nam	Kinh	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	x	05/8/2011	Giáo viên Âm nhạc - TPT	THCS Tích Lương		94,5		94,5	
33	666	Nguyễn Thị Hào	16/9/1997	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý			Giáo viên Vật lý	THCS Túc Duyên		94		94	
34	722	Nguyễn Thị Mai Chi	04/5/1985	Nữ	Kinh	Đại học	Công nghệ thông tin	x	29/12/2006	Giáo viên Tin học	Tiểu học và THCS Phúc Hà	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị	85,5	5	90,5	